TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:40/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2022
V/v: Không công nhận là vợ chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Hồng Duy
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn và bà Hoàng Thị Thanh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2022/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị S, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh D, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình điều tra nguyên đơn trình bày: Chị S và anh D chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng không đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh chị có 04 người con chung là cháu V - sinh ngày 05/11/2006, cháu C - sinh ngày 28/4/2008, cháu M - sinh ngày 04/7/2010 và cháu S - sinh ngày 08/7/2012.

Về nguyên nhân mâu thuẫn do trong đời sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, dần vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, anh chị sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Vì vậy chị S đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị S xin nuôi cháu V - sinh ngày 05/11/2006, cháu C - sinh ngày 28/4/2008, cháu M - sinh ngày 04/7/2010 và cháu S - sinh ngày 08/7/2012. Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh D trình bày:* Anh D và chị S chung sống với nhau từ năm 2005, không đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Mâu thuẫn giữa chị S và anh D phát sinh trong đời sống vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nữa. Anh D đồng ý ly hôn của chị S.

Về con chung: Anh D đồng ý giao cháu V - sinh ngày 05/11/2006; cháu C - sinh ngày 28/4/2008; cháu M - sinh ngày 04/7/2010 và cháu S - sinh ngày 08/7/2012 cho chị S trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Và đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 97, Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15; Điều 51 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị S và anh D là vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu V - sinh ngày 05/11/2006; cháu C - sinh ngày 28/4/2008; cháu M - sinh ngày 04/7/2010 và cháu S - sinh ngày 08/7/2012 cho chị S trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không yêu cầu cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị S chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Xin ly hôn, bị đơn là anh D có địa chỉ tại Thôn N, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Vào năm 2005, chị S và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên, anh D và chị S không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì anh chị phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối

sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình điều tra anh D cũng thừa nhận là vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn nên hôn nhân không thể kéo dài. Việc ly hôn thật sự là cần thiết để giải phóng cho một cuộc hôn nhân không đạt được mục đích. Xét thấy, chị S và anh D cũng đã có thời gian sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay và không quan tâm đến nhau nữa. Điều đó cho thấy quan hệ hôn nhân anh chị là trầm trọng. Hôn nhân của anh chị thật sự không đạt được mục đích. Vì vậy, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S và giải quyết chị S được ly hôn với anh D.

Chị S và anh D đều đồng ý thuận tình ly hôn, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị S là phù hợp. Tuy nhiên, hôn nhân giữa anh chị không có đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ giữa anhD và chị S không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Trong quá trình làm việc các đương sự đã thỏa thuận được việc nuôi con như sau: Chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu V, sinh ngày 05/11/2006; cháu C, sinh ngày 28/4/2008; cháu M, sinh ngày 04/7/2010 và cháu S, sinh ngày 08/7/2012; xét ý kiến của các cháu muốn được ở với chị S, nên cần chấp nhận theo thỏa thuận của các đương sự. Các đương sự không yêu cầu về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 14; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị S. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh D là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu V - sinh ngày 05/4/2006, cháu C - sinh ngày 28/4/2008, cháu M - sinh ngày 04/7/2010, cháu S - sinh ngày 08/7/2012 cho chị S trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc, giáo dục con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục các cháu.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ, quyền của cha mẹ

trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật Hôn nhân gia đình 2014

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị S nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000916 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Hồng Duy